

**BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG**

**1. Diễn biến xu thế mực nước:**

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất ngày tại các trạm xuống chậm; mực nước thấp nhất ngày lên trong 3-4 ngày tới, sau đó xuống theo triều.
- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các sông, kênh rạch trong khu vực biến đổi chậm trong những ngày tới.

**2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 03/8 đến 07/8/2022**

| STT | Trạm       | sông, kênh, rạch       | Cấp báo động (m) |       |        | Đặc trưng  | Mực nước thực đo (m) |                     |                | Mực nước dự báo (m) |              |              |              |              |
|-----|------------|------------------------|------------------|-------|--------|------------|----------------------|---------------------|----------------|---------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|     |            |                        | BĐ I             | BĐ II | BĐ III |            | 02/8                 | So với cùng kỳ 2021 | So với TBNN    | 03/8                | 04/8         | 05/8         | 06/8         | 07/8         |
| 1   | Tân Châu   | Tiền                   | 3.50             | 4.00  | 4.50   | Max<br>Min | 1.84<br>0.95         | 0.31<br>-0.26       | -0.57<br>-1.11 | 1.83<br>0.98        | 1.80<br>1.03 | 1.75<br>1.11 | 1.72<br>1.11 | 1.70<br>1.04 |
| 2   | Chợ Mới    | Ông Chường             | 2.00             | 2.50  | 3.00   | Max<br>Min | 1.71<br>0.50         | 0.48<br>0.03        | 0.03<br>-0.48  | 1.70<br>0.54        | 1.67<br>0.59 | 1.62<br>0.67 | 1.59<br>0.67 | 1.57<br>0.60 |
| 3   | Khánh An   | Hậu                    | 4.20             | 4.70  | 5.20   | Max<br>Min | 2.32<br>2.02         | -0.01<br>-0.21      | -0.59<br>-0.72 | 2.31<br>2.05        | 2.28<br>2.08 | 2.23<br>2.13 | 2.20<br>2.13 | 2.18<br>2.08 |
| 4   | Châu Đốc   | Hậu                    | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 1.87<br>0.77         | 0.51<br>-0.17       | -0.12<br>-0.78 | 1.86<br>0.80        | 1.83<br>0.85 | 1.78<br>0.93 | 1.75<br>0.93 | 1.73<br>0.86 |
| 5   | Long Xuyên | Hậu                    | 1.90             | 2.20  | 2.50   | Max<br>Min | 1.76<br>0.30         | 0.54<br>0.10        | 0.23<br>-0.17  | 1.75<br>0.34        | 1.72<br>0.39 | 1.67<br>0.47 | 1.64<br>0.47 | 1.62<br>0.40 |
| 6   | Vàm Nao    | Vàm Nao                | 2.50             | 2.90  | 3.30   | Max<br>Min | 1.76<br>0.56         | 0.44<br>-0.03       | -0.02<br>-0.59 | 1.75<br>0.60        | 1.72<br>0.65 | 1.67<br>0.73 | 1.64<br>0.73 | 1.62<br>0.66 |
| 7   | Xuân Tô    | Vĩnh Tế                | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 0.79<br>0.60         | 0.20<br>0.13        | -0.48<br>-0.62 | 0.78<br>0.58        | 0.78<br>0.58 | 0.77<br>0.57 | 0.75<br>0.55 | 0.71<br>0.51 |
| 8   | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.55<br>0.51         | 0.04<br>0.17        | -0.05<br>-0.02 | 0.54<br>0.48        | 0.54<br>0.48 | 0.53<br>0.47 | 0.51<br>0.45 | 0.47<br>0.41 |
| 9   | Tri Tôn    | Tri Tôn                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.80<br>0.56         | 0.16<br>0.04        | -0.19<br>-0.35 | 0.79<br>0.54        | 0.79<br>0.54 | 0.78<br>0.53 | 0.76<br>0.51 | 0.72<br>0.47 |
| 10  | Cô Tô      | Tri Tôn                | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.86<br>0.71         | 0.10<br>0.07        | 0.10<br>0.00   | 0.85<br>0.70        | 0.85<br>0.70 | 0.84<br>0.69 | 0.82<br>0.67 | 0.78<br>0.63 |
| 11  | Lò Gạch    | Tám Ngàn               | 1.70             | 2.10  | 2.50   | Max<br>Min | 0.55<br>0.48         | 0.07<br>0.14        | -0.08<br>-0.09 | 0.54<br>0.45        | 0.54<br>0.45 | 0.53<br>0.44 | 0.51<br>0.42 | 0.47<br>0.38 |
| 12  | Vọng Thê   | Ba Thê                 | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.98<br>0.86         | 0.16<br>0.14        | 0.11<br>0.07   | 0.97<br>0.82        | 0.97<br>0.82 | 0.96<br>0.81 | 0.94<br>0.79 | 0.90<br>0.75 |
| 13  | Vĩnh Hạnh  | Núi Chóc<br>Năng Gù    | 1.90             | 2.30  | 2.70   | Max<br>Min | 1.29<br>0.87         | 0.23<br>0.10        | 0.01<br>-0.24  | 1.28<br>0.83        | 1.28<br>0.83 | 1.27<br>0.82 | 1.25<br>0.80 | 1.21<br>0.76 |
| 14  | Núi Sập    | Rạch Giá<br>Long Xuyên | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.97<br>0.71         | 0.17<br>0.09        | -0.01<br>-0.17 | 0.96<br>0.71        | 0.96<br>0.71 | 0.95<br>0.70 | 0.93<br>0.68 | 0.89<br>0.64 |

**3. Cảnh báo (nếu có):**

**4. Ghi chú:**

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 03/8/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan